

Bản án số: **361/2018/HNGĐ-PT**
Ngày: 09-4-2018
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thọ Viên.

Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 105/2017/TLPT-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 83/2017/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 992/2018/QĐ-PT ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Xuân P, sinh năm 1964; địa chỉ: Số B đường số C, cư xá Đ, Phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Kim P, sinh năm 1967; địa chỉ: Số H đường I, Ấp K, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: NBV A – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, công tác tại Trung tâm tư vấn pháp luật Hội Luật gia Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Số O đường số P, Phường Q, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Trần Thị Kim P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên ông Nguyễn Xuân P trình bày như sau:

Ông và bà Trần Thị Kim P tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 125 quyền số 01/2010 do Ủy ban nhân dân Phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 10 năm 2010. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, về sau, do bà P không tin tưởng ông, không thông cảm, chia sẻ với ông trong các công việc trong gia đình, thường xuyên có lời lẽ xúc phạm ông nên vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Cuối tháng 3 năm 2016 bà P đưa con về nhà mẹ đẻ sinh sống và hai người sống ly thân cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, ông khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị Kim P.

Về con chung: Ông và bà Trần Thị Kim P có 01 con chung là trẻ Nguyễn Phương N, giới tính: Nam, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2012. Ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn bà Trần Thị Kim P trình bày như sau:

Bà xác nhận nội dung ông Nguyễn Xuân P trình bày về quan hệ hôn nhân, về con chung là đúng. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2013 do ông P không chăm lo cho gia đình, là người chồng thiếu trách nhiệm. Nay ông P yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý.

Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trẻ Nguyễn Phương N, giới tính: Nam, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2012; không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 83/2017/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 7 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Khoản 4 Điều 147, Điều 202, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 9, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Xuân P được ly hôn với bà Trần Thị Kim P. Giấy chứng nhận kết hôn số 125 quyền số 01/2010 do Ủy ban nhân dân Phường

E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 10 năm 2010 không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao con chung là trẻ Nguyễn Phương N, giới tính: Nam, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2012 cho ông Nguyễn Xuân P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung khi ly hôn; về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26 tháng 7 năm 2017, bị đơn bà Trần Thị Kim P có đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao con chung cho bà được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Trần Thị Kim P vẫn giữ nguyên yêu cầu, xác định kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về quan hệ con chung. Bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết giao con chung cho ông P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là không phù hợp, vì: Tòa án nhân dân huyện B cho rằng hoạt động sản xuất tại nhà của bà gây ảnh hưởng xấu đến môi trường sống nên không giao con cho bà nuôi dưỡng là không đúng. Thực tế, bà chỉ phân loại hạt nhựa, do đó môi trường rất sạch sẽ, không ảnh hưởng đến sức khỏe của con. Bà có công việc và nơi ở ổn định, đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cho con chung. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét việc ông P làm nghề tóc tại nhà, môi trường thực sự độc hại; hiện ông P đang sống chung với gia đình đông người, diện tích nơi ở chật hẹp. Do đó, bà không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm về phần quan hệ con chung, giao cho bà được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Nguyễn Phương N, không yêu cầu ông P cấp dưỡng. Trường hợp ông P và Tòa án vẫn cho rằng việc phân loại hạt nhựa tại nhà ảnh hưởng không tốt đến thể trạng của con chung, bà sẽ làm công việc khác để tạo nguồn thu nhập ổn định.

Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân P không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà P vì ông có khả năng đảm bảo điều kiện sinh sống, học tập và chăm sóc cho con chung tốt hơn so với bà P. Ông có thu nhập ổn định hàng tháng từ việc làm tóc tại nhà; về điều kiện học tập, sinh hoạt, vui chơi giải trí của trẻ em nơi ông ở tại Quận G là quận trung tâm của Thành phố Hồ Chí Minh rất tốt; nhà ông gần trường học, bệnh viện nên thuận tiện cho con chung đi học và được chăm sóc về sức khỏe. Ông không yên tâm khi giao con chung cho bà P nuôi dưỡng tại huyện

B vì cho rằng môi trường sống ô nhiễm, điều kiện thiếu thốn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề xuất đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Xét về điều kiện nơi ở và thu nhập của các bên đương sự đều ổn định như nhau. Nhưng xét đến việc con chung đang sinh sống cùng bà P; việc sinh hoạt, học tập của con chung được bà P đảm bảo tốt. Nguyên đơn cho rằng bà P mở cơ sở sản xuất, kinh doanh hạt nhựa tại nhà gây ảnh hưởng xấu đến môi trường sống nên yêu cầu Tòa án không giao con chung cho bà P nhưng qua xác minh tại địa phương và chính nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm về phần con chung, giao con chung cho cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

I. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Kim P làm trong thời hạn luật định, phù hợp với các quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo quy định là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

II. Về nội dung:

Xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Xuân P và bà Trần Thị Kim P kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 125 quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân Phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 10 năm 2010 được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, các đương sự cùng thừa nhận giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không thể hòa giải đoàn tụ. Ông P khởi kiện yêu cầu ly hôn và bà P đồng ý. Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết cho ly hôn là có cơ sở. Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm

sát không có kháng nghị về phần này nên quyết định của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung:

Ông Nguyễn Xuân P và bà Trần Thị Kim P có 01 con chung là trẻ Nguyễn Phương N, giới tính: Nam, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2012. Cả ông P và bà P đều có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu người kia cấp dưỡng nuôi con.

Từ khi sinh ra cho đến tháng 4 năm 2016, trẻ Nguyễn Phương N sinh sống ổn định cùng cha mẹ tại nhà ông P. Sau đó, giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì bà P đưa con về nhà mẹ đẻ sinh sống khoảng hai năm nay. Qua nhận định việc bà P mở cơ sở sản xuất, phân loại hạt nhựa tại nhà ảnh hưởng không tốt đến môi trường sống và sinh hoạt của con chung, Tòa sơ thẩm đã giải quyết để ông P được quyền nuôi dưỡng con chung.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có các công văn yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tại địa phương cung cấp thông tin, xác định: Bà Trần Thị Kim P có đăng ký Hộ kinh doanh ngành nghề sản xuất đồ nhựa gia dụng tại địa chỉ Số H đường I, Ấp K, xã L, huyện B; thực tế hộ đang kinh doanh ngành nghề phân loại hạt nhựa; đến nay, chưa có phản ánh của người dân về việc hoạt động sản xuất của hộ bà P ảnh hưởng đến môi trường. Hơn nữa, ngoài lời trình bày và một số hình ảnh cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân P không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho lời trình bày của mình về môi trường sống tại nhà bà P không tốt, từ đó yêu cầu không giao cho bà P quyền nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Trên cơ sở xem xét môi trường sinh sống, học tập và khả năng đảm bảo điều kiện phát triển toàn diện của trẻ, xét quyền lợi về mọi mặt của con chung ở thời điểm hiện tại, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Trẻ Nguyễn Phương N sinh ngày 02 tháng 7 năm 2012 còn nhỏ tuổi (hơn 05 tuổi), rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ; hiện bà Trần Thị Kim P đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ N, chăm lo tốt việc học tập, giáo dục để trẻ N phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P cung cấp bản xác nhận của Hiệu trưởng trường Mầm non nơi trẻ N đang theo học xác nhận trẻ N sức khỏe bình thường, thể chất phát triển tốt, ngoan ngoãn và tư duy tốt để chứng minh khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của mình. Do đó, giao con chung cho bà P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng có nhiều điểm thuận lợi hơn so với ông P và phù hợp với hoàn cảnh hiện tại, không làm thay đổi cuộc sống ổn định, bình thường của trẻ. Cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

Về cấp dưỡng: Bà P không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng nên Tòa án ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 148, Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

I. Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của bị đơn bà Trần Thị Kim P vì làm trong thời hạn luật định.

II. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 83/2017/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân P:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Xuân P được ly hôn với bà Trần Thị Kim P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 125 quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân Phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 10 năm 2010 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Ông Nguyễn Xuân P và bà Trần Thị Kim P có 01 con chung là trẻ Nguyễn Phương N, giới tính: Nam, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2012. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Xuân P, giao con chung cho bà Trần Thị Kim P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà P không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu

của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Xuân P phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AE/201103657 ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

III. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn bà Trần Thị Kim P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng là tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0030024 ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, nhận tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- TAND huyện B, Tp. HCM;
- Chi cục THADS huyện B, Tp. HCM;
- UBND Phường E, Quận G, Tp. HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN THẨM PHÁN THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

Lê Thọ Viên

Nguyễn Văn Tuấn